

BỘ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ
Số: 14/2006/TT-BKHCN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 8 tháng 8 năm 2006

THÔNG TƯ

Hướng dẫn việc giám định công nghệ các dự án đầu tư và chuyển giao công nghệ

Căn cứ Nghị định số 54/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 05 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ và Nghị định số 28/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2003/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 11/2005/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết về chuyển giao công nghệ (sửa đổi);

Căn cứ Nghị định số 87/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động cung ứng và sử dụng dịch vụ tư vấn;

Căn cứ Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ số 08/2002/CT-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2002 về việc tăng cường công tác giám định đầu tư;

Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thực hiện việc giám định công nghệ trong đầu tư và chuyển giao công nghệ như sau:

Phần I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Thông tư này hướng dẫn cụ thể về công tác Giám định công nghệ trong các Dự án đầu tư tại Việt Nam (bao gồm cả đầu tư trực tiếp nước ngoài và đầu tư trong nước); công nghệ được chuyển giao theo các Hợp đồng chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao công nghệ trong nước.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân là Chủ đầu tư các Dự án đầu tư hoặc là các Bên tham gia Hợp đồng chuyển giao công nghệ, các tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ Giám định công nghệ thuộc tất cả các thành phần kinh tế.

III. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Giám định công nghệ dự án đầu tư*: là hoạt động kiểm tra và đánh giá để xác định mức độ đạt được về mặt công nghệ của Dự án đầu tư đã triển khai trong thực tế tại thời điểm giám định so với nội dung công nghệ nêu trong Dự án đầu tư đã được Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền cấp phép đầu tư/quyết định đầu tư.

2. *Giám định công nghệ Hợp đồng chuyển giao công nghệ*: là hoạt động kiểm tra và đánh giá để xác định mức độ đạt được của công nghệ đã chuyển giao theo Hợp đồng chuyển giao công nghệ trong thực tế tại thời điểm giám định so với các nội dung của Hợp đồng đã được Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền đăng ký.

Phần II

NỘI DUNG GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ

I GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1 Giám định máy móc, thiết bị và dây chuyền sản xuất

a) Đánh giá sự phù hợp và tính đồng bộ của máy móc, thiết bị và dây chuyền sản xuất so với yêu cầu nêu trong Hồ sơ Dự án.

b) Đánh giá chất lượng thực tế của máy móc, thiết bị và dây chuyền sản xuất so với các tiêu chí đã nêu trong Hồ sơ Dự án:

- Công suất huy động thực tế so với công suất thiết kế;
- Các tính năng công nghệ cơ bản (đặc trưng) của máy móc, thiết bị để tạo ra sản phẩm đạt yêu cầu chất lượng quy định: như độ chính xác gia công, độ tinh khiết chế biến, ...
- Tính tiên tiến của dây chuyền sản xuất, tỷ lệ thiết bị tiên tiến, hiện đại;
- Mức độ cơ giới hóa, tự động hóa sản xuất ;
- Xuất xứ của thiết bị (nước sản xuất, hãng sản xuất);

- Năm sản xuất, thực trạng kỹ thuật của máy móc, thiết bị, thời gian đã qua sử dụng? và chất lượng còn lại (đối với thiết bị đã qua sử dụng)...

- Chi phí (hoặc định mức tiêu hao) năng lượng cho một đơn vị sản phẩm;

- Chi phí (hoặc định mức tiêu hao) nguyên, vật liệu cho một đơn vị sản phẩm;

- Tính an toàn, mức độ gây ô nhiễm môi trường.

Có thể tiến hành giảm định máy móc, thiết bị và dây chuyền sản xuất khi ở các trạng thái: Đang vận hành hoặc không vận hành (đã lắp đặt hoàn chỉnh hoặc còn tháo rời).

Căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng ngành, lĩnh vực sản xuất mà lựa chọn các nội dung và chỉ tiêu cụ thể khi giám định máy móc, thiết bị và dây chuyền sản xuất cho phù hợp với ngành, lĩnh vực đó.

2. Giám định về tài liệu, thông tin và thiết kế kỹ thuật

a) Đánh giá sự phù hợp và đầy đủ của các tài liệu, hồ sơ kỹ thuật. thông tin công nghệ, tài liệu thiết kế kỹ thuật đảm bảo yêu cầu sản xuất, vận hành máy móc thiết bị.

b) Thông tin về tính năng an toàn và sức khỏe đối với người sử dụng công nghệ, cộng đồng và môi trường xung quanh.

c) Mức độ đáp ứng thông tin (tin học hoá) phục vụ sản xuất và quản lý.

3. Giám định về tổ chức và quản lý sản xuất

a) Doanh nghiệp có được cấp Chứng nhận về hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn : ISO 9000, HACCP, CPM, TQM,... phù hợp với từng loại dây chuyền sản xuất không.

b) Tỷ lệ sản phẩm được sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng đăng ký (sản phẩm hợp chuẩn).

c) Tỷ lệ sản phẩm xuất khẩu so với tổng sản phẩm sản xuất ra và so với tỷ lệ xuất khẩu yêu cầu trong Quyết định đầu tư.

d) Tỷ lệ sản phẩm được tiêu thụ so với sản phẩm được sản xuất ra.

đ) Năng suất lao động.

e) Mức độ tiên tiến của hệ thống quản lý doanh nghiệp (tin học hoá một số khâu như: quản lý công nghệ, vật tư, tiếp thị...).

g) Khả năng cạnh tranh (về chất lượng, mẫu mã, giá thành) của sản phẩm do công nghệ tạo ra.

h) Chi phí nhân công, vốn cho một đơn vị sản phẩm.

4. Giám định về trình độ nguồn nhân lực

a) Tỷ lệ cán bộ quản lý hội đủ chức danh (%).

b) Kỹ năng của công nhân trực tiếp sản xuất (bậc thợ trung bình).

c) Tỷ lệ cán bộ, công nhân được đào tạo và thích ứng với công nghệ sản xuất (%).

d) Tỷ lệ cán bộ, công nhân trực tiếp tham gia sản xuất sản phẩm trên tổng số cán bộ, nhân viên của Doanh nghiệp (%).

5. Kết luận giám định công nghệ dự án đầu tư

a) Máy móc, thiết bị và dây chuyền sản xuất;

b) Về tài liệu, thông tin và thiết kế kỹ thuật;

c) Về tổ chức và quản lý sản xuất;

d) Về trình độ nguồn nhân lực.

II. GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

1. Đánh giá về tính tiên tiến của công nghệ và thiết bị sản xuất (Đối với thiết bị việc giám định thực hiện như khoản 1 Mục I Phần II Thông tư này).

2. Chất lượng sản phẩm được sản xuất nhờ việc áp dụng công nghệ được chuyển giao so với tiêu chuẩn chất lượng đã thỏa thuận.

3. Đánh giá về mức độ hoàn thành các nội dung công nghệ được chuyển giao so với nội dung đã nêu trong Hợp đồng chuyển giao công nghệ (số lượng, chất lượng):

a) Bí quyết, thông tin công nghệ, quy trình công nghệ, tài liệu thiết kế sơ bộ và thiết kế kỹ thuật, công thức, thông số kỹ thuật, bản vẽ, sơ đồ công nghệ, phần mềm máy tính, ...

b) Các giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ.

c) Các đối tượng Sở hữu công nghiệp.

d) Các dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ: Chuyên gia hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo.

4. Xem xét, đánh giá trên thực tế về số lượng, chất lượng chuyên gia, chất lượng nhân viên trước và sau đào tạo, kết quả đạt được sau khi được hỗ trợ kỹ thuật và

đào tạo.

5. Thời gian hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo thực tế so với dự kiến.

6. Tính toán các chi phí cần phải thanh toán cho chuyển giao công nghệ so với mức phí các Bên thoả thuận và đã được xác nhận đăng ký.

7. Kết luận giám định các nội dung Hợp đồng chuyển giao công nghệ

a) Về công nghệ và thiết bị sản xuất.

b) Về chất lượng sản phẩm được sản xuất.

c) Về mức độ hoàn thành nội dung công nghệ được chuyển giao.

d) Về kết quả hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo (số lượng, chất lượng, thời gian).

đ) Về chi phí thanh toán thực tế cho chuyển giao công nghệ.

Phần III

HÌNH THỨC TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP

GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ

I. CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC VIỆC GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ

Giám định công nghệ được thực hiện khi có trưng cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền hoặc theo yêu cầu của các tổ chức và cá nhân có liên quan nhằm làm rõ một số yêu cầu cụ thể như có dấu hiệu làm sai nội dung đã được đăng ký, có khiếu nại, tranh chấp, vi phạm pháp luật về quản lý công nghệ và chuyển giao công nghệ, ...

Hoạt động giám định công nghệ được thực hiện thông qua các hình thức:

1 Tổ chức giám định công nghệ.

2. Giám định viên công nghệ.

II PHƯƠNG PHÁP GIÁM ĐỊNH

1 Giám định toàn bộ dây chuyền sản xuất: Giám định trên toàn bộ một lô thiết bị, một hệ thống dây chuyền thiết bị (lò luyện thép, con tàu, xe máy chuyên dụng, . . .).

2. Giám định mẫu đại diện: Sử dụng khi cần kiểm tra thiết bị, máy móc có số lượng lớn. Phương pháp này thường áp dụng khi giám định các đối tượng sản xuất có điều kiện ổn định, sản xuất hàng loạt.

III. Kết quả giám định